TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2021
Về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu H- ơng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**
2. Ông **Vũ Văn Hợp**

- ***Th□ ký phiên tòa:*** Bà **Phan Thị Quyên** - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông **Lâm Sển**- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 128/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST, ngày 23 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Nhã P**, sinh năm 1987

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà X, tổ Y, khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh K.

Địa chỉ tạm trú: Ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Công Đ**, sinh năm 1981

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà V, tổ Y, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

Địa chỉ hiện nay: Ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, chị P có mặt, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2020 của nguyên đơn Nguyễn Thị Nhã P, bản tự khai của nguyên đơn, nội dung biên bản không tiến hành hoà giải đ- ợc vào ngày 23/02/2021, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung nh- sau:

* Chị Nguyễn Thị Nhã P trình bày:

Vào năm 2009, sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và đ- ợc sự đồng ý của gia đình hai bên, tôi cùng anh Nguyễn Công Đ tổ chức lễ c- ới vào tháng 01/2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn thị trấn S, huyện H, tỉnh K vào năm 2012; đã đ- ợc UBND thị trấn S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83/2012, quyển số 02/2011. Trong quá trình chung sống, chúng tôi có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Ngân K, sinh ngày 12/02/2012 và cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 20/02/2019 đang do tôi trực tiếp nuôi dưỡng từ khi tôi và anh Đ ly thân đến nay; có tài sản chung là đất gắn liền căn nhà cấp 4 tọa lạc tại ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K; không có nợ chung. Sau khi kết hôn thì tôi và anh Đ chung sống tại khu phố N, phường R, thành phố R, tỉnh K. Từ năm 2016 thì chúng tôi có nhà riêng tại ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K và cùng sinh sống tại đây. Sau khi cưới thì cuộc sống vợ chồng giữa tôi và anh Nguyễn Công Đ hạnh phúc, nhưng từ năm 2019 thì chúng tôi phát sinh mâu thuẫn do anh Nguyễn Công Đ mê cờ bạc, tôi khuyên ngăn thì anh Đ không nghe mà thường cãi nhau với tôi, gây ra bất hòa trong gia đình nên tôi và anh Đ ly thân từ ngày 10/02/2019 cho đến nay. Hiện nay tôi và hai con về sinh sống tại số nhà X, tổ Y, khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh K; anh Đ vẫn sinh sống tại ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K. Tôi làm giáo viên, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Nay giữa chúng tôi không còn tình cảm gì nữa, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, tôi yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đ- ợc ly hôn với anh Nguyễn Công Đ;

- Về con chung: Yêu cầu đ- ợc tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Ngân K, sinh ngày 12/02/2012 và cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 20/02/2019 cho đến khi cháu Ngân K, cháu Quang Đ tròn 18 tuổi; tôi không yêu cầu anh Nguyễn Công Đ cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Công Đ theo quy định của pháp luật, nh- ng anh Nguyễn Công Đ không hợp tác nên Tòa án không thu thập đ- ợc lời khai của anh Nguyễn Công.

* Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Nhã P vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên.

* □ kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Nhã P; không xem xét về tài sản chung và nợ chung giữa chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Nguyễn Công Đ do chị Nguyễn Thị Nhã P không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vào năm 2011, chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Nguyễn Công Đ thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 18/11/2020, chị Nguyễn Thị Nhã P có đơn khởi kiện yêu cầu đ- ợc ly hôn với anh Nguyễn Công Đ và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung giữa chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Nguyễn Công Đ; anh Nguyễn Công Đ có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà V, tổ Y, phường Q, thành phố T, tỉnh T nhưng hiện nay anh Đạo tạm trú tại ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Đ không có yêu cầu phản tố. Do đó, đây là tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt anh Nguyễn Công Đ tại phiên toà: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 23/3/2021 cho anh Nguyễn Công Đ theo quy định của pháp luật, anh Nguyễn Công Đ vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do chính đáng, đ- ợc sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và chị Nguyễn Thị Nhã P, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Công Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Nhã P:

2.1. Về hôn nhân: Năm 2009-2011, chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Nguyễn Công Đ tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ c- ới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S, huyện H, tỉnh K vào năm 2012, đã đ- ợc UBND thị trấn S cấp giấy chứng nhận kết hôn nên theo quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Nguyễn Công Đ là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên chị Nguyễn Thị Nhã P yêu cầu đ- ợc ly hôn với anh Nguyễn Công Đ.

Xét rằng: Tuy anh Nguyễn Công Đ không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, nhưng theo xác nhận của Công an xã V, huyện Châu T, tỉnh K và kết quả xác minh của Tòa án thì anh Nguyễn Công Đ có hộ khẩu thường trú tại tổ Y, phường Q, thành phố T, tỉnh T; từ tháng 01/2018 đến nay thì anh Đ và chị P có nhà riêng tại ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K, sinh sống, đăng ký tạm trú tại địa chỉ này và hiện nay anh Đ vẫn thường xuyên cư trú tại ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K; chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Nguyễn Công Đ có hai người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Ngân K,

sinh ngày 12/02/2012 và cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 20/02/2019 đang do chị Nhã P trực tiếp nuôi dưỡng; do mâu thuẫn kéo dài nên anh, chị đã ly thân với nhau hơn một năm nay, chị P về nhà cha mẹ ruột ở khu phố S sinh sống (BL 05, 24). Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Nguyễn Công Đ không hợp tác- chứng tỏ anh Nguyễn Công Đ không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị Nguyễn Thị Nhã P. Tại phiên tòa, chị P vẫn yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Qua đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Nguyễn Công Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt đ- ợc. Căn cứ vào Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Nhã P đối với anh Nguyễn Công Đ.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Nguyễn Công Đ có hai người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Ngân K, sinh ngày 12/02/2012 và cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 20/02/2019 đang do chị Nhã P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Nguyễn Thị Nhã P: Từ khi chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Nguyễn Công Đ ly thân đến nay thì cả hai cháu Ngân K, Quang Đ đ- ợc chị Nhã P trực tiếp nuôi d- ỡng, giáo dục; căn cứ vào nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc Ngân K vào ngày 15/12/2020 (BL 26), nghề nghiệp, thu nhập hiện nay của chị Nhã P, quyền lợi về mọi mặt của cả hai cháu và để ổn định tình cảm, tâm lý cho các cháu, Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Nguyễn Thị Nhã P.

2.3. Về cấp d- ỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Nhã P không yêu cầu anh Nguyễn Công Đ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Ng- ời trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để ng- ời không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Tr- ờng hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của ng- ời con, các đ- ơng sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp d- ỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Nguyễn Thị Nhã P không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Nhã P.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Chị Nguyễn Thị Nhã P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị Nhã P phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Nguyễn Thị Nhã P đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006831, ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Nguyễn Thị Nhã P không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Anh Nguyễn Công Đ không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 11, 12, 13, 14, 85, khoản 1 Điều 89, các Điều 91, 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Nguyễn Công Đ.

2- Về con chung: Cho chị Nguyễn Thị Nhã P đ- ợc tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Ngân K, sinh ngày 12/02/2012 và cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 20/02/2019 cho đến khi cháu Ngân K, cháu Quang Đ tròn 18 tuổi (Phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc Ngân K vào ngày 15/12/2020); anh Nguyễn Công Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai đ- ợc quyền cản trở.

3- Về cấp d- ỡng nuôi con: Do chị Nguyễn Thị Nhã P không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4- Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Nguyễn Thị Nhã P không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

5- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Nhã P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị Nhã P phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Nguyễn Thị Nhã P đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006831, ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Nguyễn Thị Nhã P không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Anh Nguyễn Công Đ không phải chịu án phí sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/4/2021), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ợc Bản án hoặc đ- ợc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- UBND tt S, huyện H, tỉnh Kiên G (khi án có hlpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu H- ơng